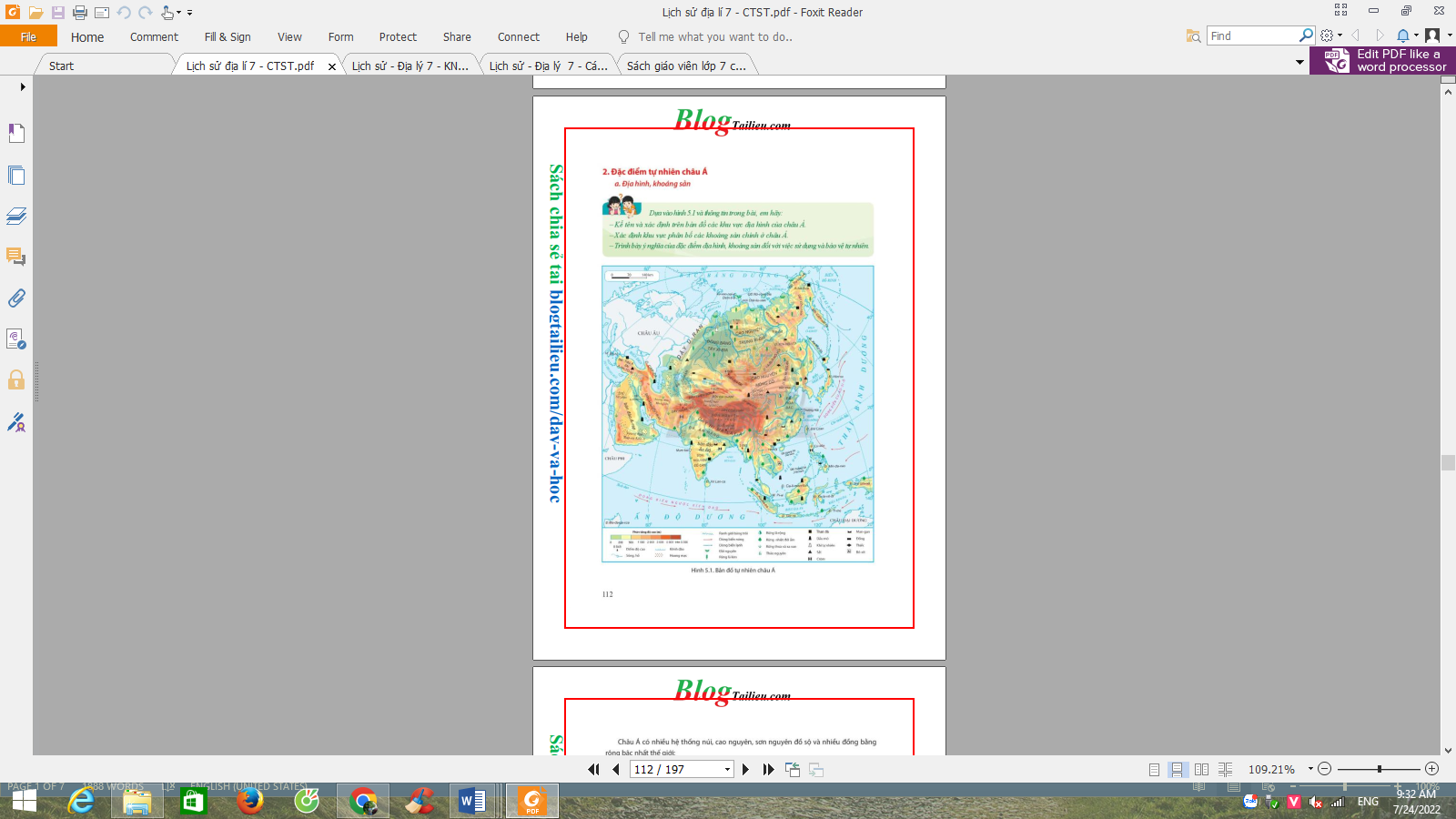
**Tuần**

**Tiết**

**CHƯƠNG 2. CHÂU Á**

**Bài 5. THIÊN NHIÊN CHÂU Á**

***(Thời lượng: …tiết)***

****

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.

– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

**2. Năng lực**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.

- Trình bày được một trong những đặc điểm của thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được các khu vực địa hình và khoáng sản chính ở châu Á.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, vượt khó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Sẵn sáng giúp đỡ các bạn cùng thực hiện nhiệm vụ học tập, viết báo cáo,…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh về cảnh quan tự nhiên châu Á.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7

-Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

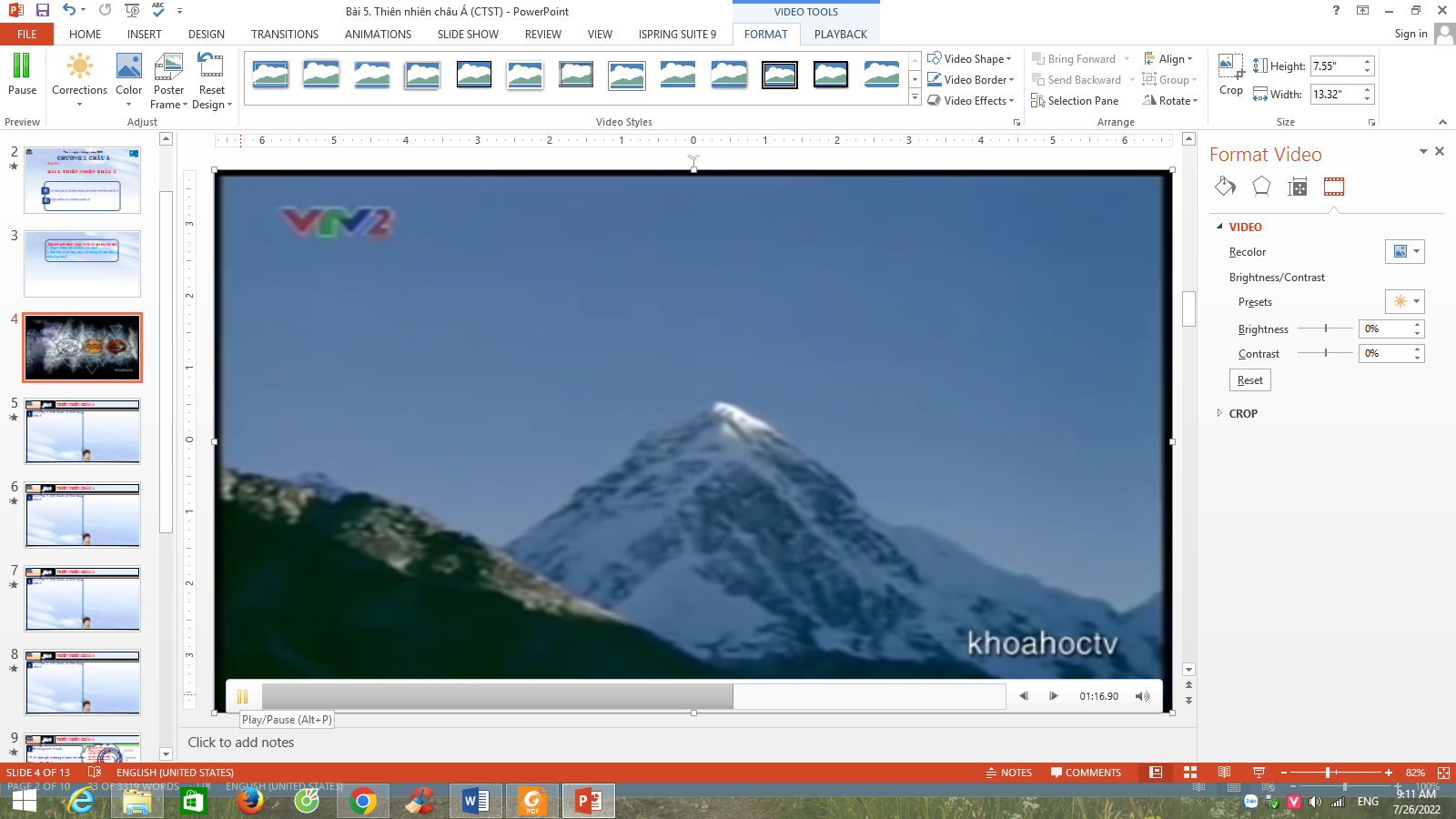
**HĐ1. Khởi động – xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị bước vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** GV chiếu cho HS xem video giới thiệu về thiên nhiên châu Á (https://www.youtube.com/watch?v=c9kNm2FhBt8)



**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của nhóm Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi sau

1. Đoạn video nói về châu lục nào?
2. Em hãy trình bày một vài thông tin em biết về châu lục này?

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

GV: Định hướng giúp học sinh quan sát tranh ảnh và lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi

Hs: Tập trung quan sát – phân tích tranh ảnh, thu thập thôn tin, trả lời câu hỏi GV đã giao.

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chuẩn xác kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  **b. Nội dung:**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0308/ae7b6c9b939d5cc3058c.jpg  Hs: Quan sát bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111 để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111 để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới. (*GV sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để hướng dẫn hs thực hiện nhiệm vụ học tập của nhóm/ bàn mình)*  **c. Sản phẩm:**  ***Câu trả lời của học sinh***  1. Đặc điểm vị trí địa lí châu Á:  + Trên đất liền lãnh thổ kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo dài tới vĩ tuyến 10⁰N  + Tiếp giáp: Phía tây giáp châu Âu;  Phía tây nam giáp châu Phi qua eo đất Xuy-ê;  Phía bắc giáp Bắc Băng Dương;  Phía đông giáp Thái Bình Dương;  Phía nam giáp Ấn Độ Dương.  2. Đặc điểm hình dạng, kích thước châu Á:  + Hình dạng: dạng hình khối rộng lớn, bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển…  + Kích thước: rộng lớn nhất thế giới với diện tích đất liền là 41,5 triệu km2 (diện tích khoảng 44 triệu km2 bao gồm các đảo và quần đảo)  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát bản đồ (hình 5.1), đọc tài liệu SGK/111, em hãy:  1. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí châu Á.  2. Nêu đặc điểm hình dạng và kích thước châu Á.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  *(GV sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để hướng dẫn hs thực hiện nhiệm vụ học tập của nhóm/ bàn mình)*  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | a. Đặc điểm vị trí địa lí châu Á:  - Trên đất liền lãnh thổ kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo dài tới vĩ tuyến 10⁰N  -Tiếp giáp: Phía tây giáp châu Âu;  +Phía tây nam giáp châu Phi qua eo đất Xuy-ê;  +Phía bắc giáp Bắc Băng Dương;  +Phía đông giáp Thái Bình Dương;  +Phía nam giáp Ấn Độ Dương.  b. Đặc điểm hình dạng, kích thước châu Á:  - Hình dạng: dạng hình khối rộng lớn, bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển…  - Kích thước: rộng lớn nhất thế giới với diện tích đất liền là 41,5 triệu km2 (diện tích khoảng 44 triệu km2 bao gồm các đảo và quần đảo) |
| **Hoạt động 2: Đặc điểm tự nhiên châu Á** | |
| **a. Mục tiêu:**  -Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  -Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  **b. Nội dung:**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0308/ae7b6c9b939d5cc3058c.jpg  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0308/07c7cd177116be48e707.jpg  Hs: Quan sát bản đồ (hình 5.1, và hình 5.2 ), đọc tài liệu SGK/113, 115 để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác bản đồ (hình 5.1, hình 5.2), đọc tài liệu SGK/113, 115 để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới. (GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh để hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình)  **c. Sản phẩm: *Dự kiến sản phẩm của học sinh***  **Nhiệm vụ 1.**  1. Châu Á có 2 khu vực địa hình chính:  + Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên.  + Khu vực đồng bằng.  2. Khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á:  + Dầu mỏ: Tây Á, Đông Nam Á.  + Than: CN. Trung Xi-bia và khu vực Đông Á.  + Sắt: Đông Á và Nam Á.  3. Ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên:  + Địa hình núi, cao nguyên, sơn nguyên với ¾ diện tích lãnh thổ thuận lợi phát triển chăn nuôi du mục, trồng cây đặc sản; nhưng khai thác cần chú ý chống xói mòn, sạt lở đất,...  + Đồng bằng thuận lợi cho sản xuất và định cư.  + Tài nguyên khoáng sản phong phú có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong châu lục; nhưng trong quá trình khai thác khoáng sản cần chú ý bảo vệ, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường.  **Nhiệm vụ 2**  1.Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á   |  |  | | --- | --- | | **Đới khí hậu** | **Kiểu khí hậu** | | Đới khí hậu cực và cận cực |  | | Đới khí hậu ôn đới | - Ôn đới lục địa  - Ôn đới gió mùa  - Ôn đới hải dương | | Đới khí hậu cận nhiệt | - Cận nhiệt địa trung hải  - Cận nhiệt lục địa  - Cận nhiệt gió mùa  - Núi cao | | Đới khí hậu nhiệt đới | - Nhiệt đới khô  - Nhiệt đới gió mùa | | Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo |  |   2.Sự phân bố khí hậu châu Á  - Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới khí hậu gồm nhiều kiểu, có sự khác biệt lớn về nhiệt độ, gió, lượng mưa.  - Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.  **Nhiệm vụ 3**  1. Một số sông và hồ lớn ở châu Á:  + Sông lớn: Ô-bi, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công, Ấn, Hằng,...  + Hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can, A-ran, Ban-khat,...  2. Đặc điểm sông ngòi châu Á:  + Nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới nhưng phân bố không đều.  Các khu vực mưa nhiều (Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á): sông có lượng nước lớn, mùa lũ tương ứng mùa mưa, mùa cạn tương ứng mùa khô.  Các khu vực khô hạn (Tây Nam Á, Trung Á): mạng lưới sông thưa thớt, nhiều nơi trong nội địa không có dòng chảy.  + Sông ngòi tạo điều kiện phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy…  + Vào mùa mưa thường có lũ, gây nhiều thiệt hại lớn.  3. Ý nghĩa của sông, hồ đối với việc bảo vệ tự nhiên:  + Sông cung cấp nước cho cây sinh trưởng và phát triển;  + Hồ giúp điều hòa không khí, tạo phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và là nơi cư trú của nhiều loài sinh vật.  **Nhiệm vụ 4**  1. Sự phân hóa các đới thiên nhiên châu Á (3 đới thiên nhiên):  ***Đới lạnh:***  + Phân bố: phía bắc châu lục.  + Thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh.  + Thực vật: phổ biến hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng.  + Động vật: các loài chịu lạnh, mùa hạ các loài chim di cư từ phương Nam lên.  ***Đới ôn hòa:***  + Chiếm diện tích lớn nhất.  + Khí hậu: càng vào sâu trong nội địa càng khô hạn.  + Thực vật: phân hóa từ rừng lá kim sang rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên.  ***Đới nóng***  + Chủ yếu có khí hậu gió mùa, xích đạo.  + Thực vật điển hình: rừng nhiệt đới; những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, xavan, cây bụi và hoang mạc.  2. Việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề bảo vệ và phục hồi rừng nhằm bảo vệ môi trường.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát bản đồ (hình 5.1, hình 5.2), đọc tài liệu SGK/113, 115, em hãy :  **Nhiệm vụ 1**  1. Kể tên và xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.  2. Xác định khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á.  3. Trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Nhiệm vụ 2**  1. Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á .  2. Cho biết khí hậu châu Á phân bố như thế nào? Kiểu khí hậu nào là phổ biến nhất?  **Nhiệm vụ 3**  1. Kể tên một số sông và hồ lớn ở châu Á  2. Trình bày đặc điểm sông ngòi châu Á.  3. Nêu ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Nhiệm vụ 4**  1. Trình bày sự phân hóa của các đới thiên nhiên châu Á  2. Cho biết việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề gì để bảo vệ môi trường.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  ***(GV sử dụng hoạt động nhóm và kĩ thuật phòng tranh để hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình, có thể giao 4 nhóm thực hiện từng nhiệm vụ hoặc mỗi nhóm 1 nhiệm vụ tùy vào thời lượng)***  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | ***a. Địa hình, khoáng sản***  - Châu Á có 2 khu vực địa hình chính:  + Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên.  + Khu vực đồng bằng.  - Khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á:  + Dầu mỏ: Tây Á, Đông Nam Á.  + Than: CN. Trung Xi-bia và khu vực Đông Á.  + Sắt: Đông Á và Nam Á.  ***b.Khí hậu***  - Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới khí hậu gồm nhiều kiểu, có sự khác biệt lớn về nhiệt độ, gió, lượng mưa.  - Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.  ***c.Sông ngòi và hồ***  - Nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới nhưng phân bố không đều.  - Sông ngòi tạo điều kiện phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy…  - Vào mùa mưa thường có lũ, gây nhiều thiệt hại lớn.  ***d.Các đới thiên nhiên***  ***-Đới lạnh:***  + Phân bố: phía bắc châu lục.  + Thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh.  + Thực vật: phổ biến hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng.  + Động vật: các loài chịu lạnh, mùa hạ các loài chim di cư từ phương Nam lên.  ***-Đới ôn hòa:***  + Chiếm diện tích lớn nhất.  + Khí hậu: càng vào sâu trong nội địa càng khô hạn.  + Thực vật: phân hóa từ rừng lá kim sang rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên.  ***-Đới nóng***  + Chủ yếu có khí hậu gió mùa, xích đạo.  + Thực vật điển hình: rừng nhiệt đới; những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, xavan, cây bụi và hoang mạc. |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về những đặc điểm tự nhiên châu Á

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1:** Châu Á có diện tích phần đất liền rộng khoảng

A. 40 triệu km2.   **B. 41,5 triệu km2.** C. 42,5 triệu km2.  D. 43,5 triệu km2.

**Câu 2:** Châu Á tiếp giáp với châu lục nào?

**A. Châu Âu, châu Phi.** B. Châu Đại Dương. C. Châu Mĩ. D. Châu Nam Cực.

**Câu 3:** Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm vị trí của châu Á?

A. Là một bộ phận của lục địa Á- Âu.

B. Kéo dài từ cực Bắc đến vùng Xích đạo.

**C. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.**

D. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương rộng lớn.

**Câu 4:** Tại sao khí hậu châu Á lại chia thành nhiều đới?

**A. Do lãnh thổ trải dải từ vùng cực bắc đến vùng Xích đạo.**

B. Do Lãnh thổ trải dài theo chiều kinh tuyết.

C. Do ảnh hưởng của các dãy núi.

D. Do châu Á giáp với nhiều đại dương lớn.

**Câu 5:** Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu nào?

**A. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.**

B. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

C. Các kiểu khí hậu hải dương và các kiểu khí hậu lục địa.

D. Các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hải dương.

**Câu 6:** Nam Á và Đông Nam Á nằm trong đới có khí hậu

**A. Gió mùa nhiệt đới.** B. Gió mùa cận nhiệt và ôn đới.

C. Cận nhiệt Địa Trung Hải. D. Ôn đới lục địa.

**Câu 7:** Việt Nam năm trong đới khí hậu nào?

A. Ôn đới. B. Cận nhiệt đới. **C. Nhiệt đới.** D. Xích đạo ẩm.

**Câu 8:** Những trở ngại chính trong việc giao lưu giữa các vùng ở châu Á là do

A. Địa hình núi cao hiểm trở. B. Hoang mạc rộng lớn.

C. Khí hậu giá lạnh khắc nghiệt. **D. Tất cả đều đúng.**

**Câu 9:** Rừng nhiệt đới ẩm ở châu Á phân bố ở đâu?

**A. Đông Nam Á và Nam Á** B. Nam Á và Đông Á

C. Đông Á và Đông Nam Á. D. Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á

**Câu 10:** Sông ngòi ở Đông Nam Á có đặc điểm

A. mạng lưới thưa thớt.                                    B. Nguồn cung cấp nước là do băng tan.

C. không có nhiều sông lớn.                             **D. Mạng lưới dày đặc, nhiều sông lớn.**

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | B | A | C | A | A | A | C | D | A | D |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức về thiên nhiên châu Á

**b. Nội dung:**

-Tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức về thiên nhiên châu Á

-Trả lời câu hỏi bài tập 2 trong SGK/116

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành bài tập 2 trong SGK/116



**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo